TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẢO LÂM
TỈNH LÂM ĐỒNG
Bản án số: 26/2022/DS- ST
Ngày: 12-7-2022.
V/v "Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẢO LÂM

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
- Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Đình Phong –** Thẩm phán.
- Các Hội thẩm nhân dân:
- Bà **Nguyễn Thị Tài.**
- Ông **Phạm Đức Minh.**
- Thư ký phiên tòa: Bà **Vũ Thị Thúy Thành** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà **Vũ Ngọc Anh**– Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 12 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng, xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án dân sự thụ lý số 163/2021/TLST- DS ngày 02 tháng 11 năm 2021 về "*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2022/QĐXXST-DS ngày 23 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn**:** Bà **Nguyễn Thị Thu Ng** , sinh năm 1974.

Địa chỉ: Số 90 Trương Định, tổ 7, thị trấn L.T , huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng (Có mặt).

Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị Th** , sinh năm 1958.

Địa chỉ: Tổ 8, thị trấn L.T , huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 20-10-2021 cùng những lời trình bày của nguyên đơn thể hiện: Từ năm 2019 cho đến năm 2020 bà Nguyễn Thị Th có vay nợ của bà Ng số tiền như sau:

Ngày 15/10/2019 bà Th vay của bà Ng số tiền 50.000.000 đồng, hai bên có viết giấy nhận nợ, bà Th ký vào bên người mượn tiền, khi vay hai bên thỏa Th lãi suất 2%/tháng, thời hạn trả nợ một năm kể từ ngày vay. Tới hạn trả nợ bà Ng yêu cầu bà Th trả tiền gốc nhưng bà Th không trả do vậy bà Ng yêu cầu bà Th phải trả cho bà Ng số tiền gốc là 50.000.000 đồng và lãi là 1,67%/tháng kể từ ngày vay cho đến khi xét xử vụ án.

Ngày 02/12/2019 bà Th vay tiếp bà Ng số tiền 30.000.000 đồng, hai bên có viết giấy nhận nợ, bà Th ký vào bên người mượn tiền, trên giấy không ghi lãi suất nhưng hai bên có thỏa Th miệng với nhau 2%/tháng, thời hạn trả nợ không ghi,

nhưng thỏa Th miệng thời hạn trả nợ một năm kể từ ngày vay. Số tiền này bà Ng đã đòi bà Th nhiều lần nhưng bà Th không trả do vậy bà Ng yêu cầu bà Th phải trả cho bà Ng số tiền gốc là 30.000.000 đồng, đối với khoản vay này bà Ng không yêu cầu tính lãi.

Ngày 19/6/2020 bà Th vay tiếp bà Ng số tiền 25.000.000 đồng, hai bên có viết giấy nhận nợ, bà Th ký vào bên người mượn tiền, khi vay hai bên thỏa Th lãi suất 2%/tháng, thời hạn trả nợ một năm kể từ ngày vay. Tới hạn trả nợ bà Ng yêu cầu bà Th trả tiền gốc cho bà Ng nhưng bà Th không trả do vậy bà Ng yêu cầu bà Th phải trả cho bà Ng số tiền gốc là 25.000.000 đồng và lãi là 1,67%/tháng kể từ ngày vay cho đến khi xét xử vụ án.

Ngày 08/9/2020 bà Th vay tiếp bà Ng số tiền 50.000.000 đồng, hai bên có viết giấy nhận nợ, bà Th ký vào bên người mượn tiền, khi vay hai bên thỏa Th lãi suất 2%/tháng, thời hạn trả nợ một năm kể từ ngày vay. Tới hạn trả nợ bà Ng yêu cầu bà Th trả tiền gốc cho bà Ng nhưng bà Th không trả do vậy bà Ng yêu cầu bà Th phải trả cho bà Ng số tiền gốc là 50.000.000 đồng và lãi là 1,67%/tháng kể từ ngày vay cho đến khi xét xử vụ án.

Ngày 13/9/2020 bà Th vay tiếp bà Ng số tiền 100.000.000 đồng, hai bên có viết giấy nhận nợ, bà Th ký vào bên người mượn tiền, khi vay hai bên thỏa Th lãi suất 2%/tháng, thời hạn trả nợ một năm kể từ ngày vay. Do sơ suất nên khi viết số tiền ghi bằng số bà Ng ghi 1.000.000 triệu, nhưng bà Ng đã viết bằng chữ một trăm triệu đồng chẵn. Tới hạn trả nợ bà Ng yêu cầu bà Th trả tiền gốc cho Ng nhưng bà Th không trả do vậy bà Ng yêu cầu bà Th phải trả cho bà Ng số tiền gốc là 100.000.000 đồng và lãi là 1,67%/tháng kể từ ngày vay cho đến khi xét xử vụ án.

Ngày 31/10/2020 bà Th vay tiếp bà Ng số tiền 20.000.000 đồng, hai bên có viết giấy nhận nợ, bà Th ký vào bên người mượn tiền, khi vay hai bên thỏa Th vay trả góp mỗi ngày bà Th trả cho bà Ng số tiền 200.000 đồng. Tới hạn trả nợ bà Ng yêu cầu bà Th trả cho bà Ng nhưng bà Th không trả do vậy bà Ng yêu cầu bà Th phải trả cho bà Ng số tiền gốc là 20.000.000 đồng và lãi là 1,67%/tháng kể từ ngày vay cho đến khi xét xử vụ án.

Tổng cộng bà Ng yêu cầu bà Th phải trả cho bà Ng số tiền nợ gốc của các lần vay trên là 275.000.000 đồng và tiền lãi tùy từng thời điểm mà bà Ng đã trình bày ở trên cho đến khi xét xử vụ án.

Tại phiên tòa bà Ng thay đổi một phần lời trình bày của mình bà Ng cho rằng trong các lần vay tiền trên giữa bà Th với bà Ng có thỏa Th lãi suất miệng với nhau là 2%/ tháng nhưng trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà Ng không xuất trình được chứng cứ nào chứng minh cho việc thỏa Th lãi miệng, do vậy khi đi khởi kiện bà Nguyện viết thêm vào các giấy vay tiền là lãi suất 2%/tháng , thời hạn trả nợ là 01 năm kể từ ngày vay nên tại phiên tòa bà Ng thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện của mình bà Nguyện chỉ yêu cầu bà Th phải trả cho bà Ng 275.000.000 đồng tiền gốc và không yêu cầu tính lãi.

Sau khi Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Lâm phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi

thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của **Nguyễn Thị Thu Ng** về việc "*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản"* với bà **Nguyễn Thị Th** .

Buộc bà Nguyễn Thị Th có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị Thu Ng 275.000.000 đồng tiền vay.

Về án phí : Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Nguyễn Thị Thu Ng làm đơn khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị Th , địa chỉ tổ 8, thị trấn L.T , huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng trả cho bà Ng 275.000.000 đồng tiền gốc. Theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng.

[2] Tại phiên tòa bà Nguyễn Thị Th đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bà Th là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Theo giấy nhận nợ do bà Ng cung cấp cho Tòa án được đánh số bút lục 34, 35,36,37,38,39 thể hiện:

Ngày 15/10/2019 bà Th vay của bà Ng số tiền 50.000.000 đồng, hai bên thỏa Th lãi suất 2%/tháng, thời hạn trả nợ một năm kể từ ngày vay.

Ngày 02/12/2019 bà Th vay bà Ng số tiền 30.000.000 đồng, không thỏa Th lãi suất cũng như không hẹn thời gian trả nợ.

Ngày 19/6/2020 bà Th vay bà Ng số tiền 25.000.000 đồng, hai bên thỏa Th lãi suất 2%/tháng, thời hạn trả nợ một năm kể từ ngày vay.

Ngày 08/9/2020 bà Th vay bà Ng số tiền 50.000.000 đồng, hai bên thỏa Th lãi suất 2%/tháng, thời hạn trả nợ một năm kể từ ngày vay.

Ngày 13/9/2020 bà Th vay bà Ng số tiền 100.000.000 đồng, hai bên thỏa Th lãi suất 2%/tháng, thời hạn trả nợ một năm kể từ ngày vay.

Ngày 31/10/2020 bà Th vay bà Ng số tiền 20.000.000 đồng, khi vay hai bên thỏa Th vay trả góp mỗi ngày trả số tiền 200.000 đồng.

Toàn bộ các giấy vay tiền trên đều có chữ ký củ bà Th (bên mượn tiền).

Do vậy Bà Nguyện khởi kiện là có căn cứ và đúng pháp luật vì bà Ng xuất trình được chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình là các giấy vay nợ đều có chữ ký của bà Th , tại phiên tòa bà Th vắng mắt lần thứ 2 không có lý do,

do vậy áp dụng các Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015, cần buộc bà Th có trách nhiệm trả cho bà Ng số tiền vay nợ gốc là 275.000.000 đồng.

[4] Về lãi suất: Do bà Ng không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[5] Về án phí: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bà Th phải trả cho bà Ng 275.000.000 đồng tiền vay nên bà Th phải nộp 13.750.000 đồng án phí DSST.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 207; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463; Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015.

1/ Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của **Nguyễn Thị Thu Ng** về việc "*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản"* với bà **Nguyễn Thị Th** .

Buộc bà Nguyễn Thị Th có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị Thu Ng 275.000.000 đồng (Hai trăm bảy mươi lăm triệu) đồng.

"Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác".

2/**Về án phí**: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bà Nguyễn Thị Th phải nộp 13.750.000 đồng án phí Dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị Thu Ng 8.739.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004139 ngày 02 tháng 11 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng.

Báo cho đương sự có mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án (Hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự), để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

"Trường hợp bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa Th thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; Điều 7, 7a, 7b và

Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.”

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Bảo Lâm;
- Chi cục THADS huyện Bảo Lâm;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Đình Phong

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Tài **Phạm Đức Minh** **Nguyễn Đình Phong**